

THANH LONG TỰ QUỸ KÝ

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

Trước tiên Du Già Giả thường có thể trụ vào **Bản Tôn Quán** , đi bộ thì nên quán tưởng đạp trên hoa sen mà trụ.

Tiếp đến cửa Tinh Xá thì búng tay, xưng ba lần **Hồng** (紅 _HÙM). Mắt bên phải quán chữ **ma** (𠄎 _MA), Mắt bên trái quán chữ **Tra** (𠄎 _T). MA là Mặt trời, TRA là mặt trăng. Vào nhà thì nhìn ngó . Đây thành năm lợi ích là:

- 1_ Chư Phật vui vẻ
- 2_ Khử dơ
- 3_ Quang hiển (hiện ánh sáng)
- 4_ Tịch Trừ
- 5_ Kết Giới

Tiếp tay trái nắm Kim Cương Quyền để ngang trái tim, dựng Phong Luân (ngón trỏ) . Tay phải cũng như vậy. Trên đỉnh đầu xoay chuyển theo 2 phía trái phải., chỉ lên phương trên với côi bên dưới (Hạ Giới) đều tụng **Hồng Tự Minh** (紅 _HÙM).

Tiếp nhiều quanh 3 vòng lễ Phật

Tiếp bày tỏ lời **Sám Hối** (Con từ đời quá khứ .V.V...)

Tiếp ngồi xuống cũng lễ Phật

Tiếp **Tịnh ba Nghiệp** (Hư Tâm Hợp Chưởng, gia thêm chữ HÙM (紅). Ba Nghiệp ấn 4 nơi kèm ba Bộ, Bị Giáp... đồng kết dùng)

Tiếp gia trì vào nước thơm rưới vảy cho trong sạch (dùng Tam Cổ Ấn)

Tiếp **Thần Phần Phúng Tụng**

Tiếp **Khải Bạch gia hộ Chí** (Kính bạch Phật ba đời ở phương trên v.v... như Nghi Quỹ ghi chú)

Tiếp **Kính Giác Phật Ấn** (Hỏa Du Ấn đồng với Kim Cương Giới)

Tiếp xưng lễ **9 Phương Tiện** (như văn). Nếu có Tâm tán loạn thì tụng Kinh Điện Đại Thừa

Tiếp **Bốn Vô Lượng** (như thường)

Tiếp **Thắng Tâm Chân Ngôn** (dùng Kim Cương Hợp Chưởng)

Tiếp **Kim Cương Luân** (như thường)

Tiếp **Địa Giới**

Tiếp **Tứ Phương Giới**

Tiếp thân tùy chỗ ngồi tương ứng, quán trong Tâm

Mới đầu là **a Tự Luân** (𠄎) có 9 lớp vây quanh là các vòng tròn trống rỗng màu trắng

Tiếp **Nhập Phật Tam Muội Gia** (Ấn lên vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng. Ba lần chuyển ở Diện Môn)

Tiếp **Pháp Giới Sinh** (Hỏa Luân Ấn như Quỹ)

Tiếp **Chuyển Pháp Luân Ấn** (Phong Luân Ấn) ba lần trên vầng trán, thuận chuyển ấn 5 nơi tướng chuyển bánh xe Pháp ba ngàn cõi)

Tiếp **Hoàn Giáp** (Tác Ấn xong, đầu Hữu Phong (đầu ngón trở phải) tướng chữ **Ấn** (𠄎 _OM) đầu Tả Phong (đầu ngón trở trái) tướng chữ **Châm** (𠄎 _TUM) đến trên trái tim cột ràng 3 lần, sau lưng cũng cột ràng giống hệt, lỗ rốn 3 lần, đùi phải một lần, gối phải một lần, bên trái cũng giống hệt. Lỗ rốn 3 lần, eo lưng 3 lần, trái tim cho đến hai vai đều cột ràng một lần, cổ họng một lần, sau cổ một lần, vầng trán 3 lần, sau não (ót) 3 lần, trên 2 lỗ tai tác thế kết tóc)

Tiếp trụ **Nhập Định Quán** (Hiệu là **Kế Minh Châu**) dùng chữ **La** (𠄎 _RA) màu trắng tinh đặt ở trên đỉnh đầu để diệt trừ tội dơ, viên mãn Phước Tuệ.

Tiếp **Vô Năng Kham Nhẫn Minh Ấn** (Hư Tâm Hợp Chưởng, duỗi bụng 2 Thủy (2 ngón vô danh) chuyển thuận nghịch 3 lần , gia trì 4 nơi)

Tiếp **Kính Phát Địa Thần** (Ấn Chân Ngôn như Quĩ)

Tiếp **Địa Thần Trì**

Thứ tự **Chân Ngôn** (như Quĩ)

Tiếp tác **Đàn Chân Ngôn** (Như Lai Quyền Ấn, chuyển 3 lần gia trì Đàn)

Tiếp **Sái Tịnh Chân Ngôn** (Ấn như Quĩ)

Tiếp bạch **Địa Thần Kệ** (Bưng lò hương tụng Kệ. Chư Phật Từ Mẫn đẳng...v.v...)

Tiếp **Thỉnh Địa Thiên** (Bát Ấn, Phong (ngón trở) tùy theo lời chuyển mời 3 lần)

Tiếp **Trì Địa Chân Ngôn** (Ấn như Quĩ)

Tiếp **Bi Sinh Mạn Đồ La** (Ngôi Kiết Già, Ở trước mặt cách khoảng một khuỷu tay, trên hoa sen trắng quán chữ 𠄎 (RAM) là Trí Hỏa (lửa Trí) thiêu đốt các phiền não với vật khí cho trong sạch)

Tiếp an lập **5 chữ**

Tiếp quán **Bách Quang Biến Chiếu** 𠄎 (AM) trong đầu

Tiếp đặt câu **Vô Sinh** 𠄎 (A) ở trái tim

Tiếp ở lồng ngực biểu thị chữ **Lìa nhiễm** 𠄎 (RAM)

Tiếp tác **Hỏa Luân Ấn** (An Tâm chuyển 3 lần. Tiếp theo ngựa Ấn chuyển trên không 3 lần liên buồng Ấn trước thân)

Tiếp tác **Địa Luân Ấn** tụng Chân Ngôn đặt giữa 2 đầu gối **Thủy, Hỏa, Phong, Không** như thứ tự đặt ở các chỗ (**Địa Thủy** ấn phía trước hướng xuống dưới. **Hỏa Phong Không** ở phía trước hướng lên trên. Tướng của Ấn như thường)

Tiếp **Kim Cương Hợp Chưởng** ngang trái tim tụng câu **Mãn Túc** (5 chữ)

Tiếp an lập **Khí Thế Gian** tướng **Không Luân** ở cõi dưới với lượng vô lượng . **Phong Hỏa Thủy** như thứ tự tác dụng (Đầu Ấn đều hướng xuống dưới)

Tiếp trụ **Định Ấn** quán chữ 𠄎 (VI) trên Địa Luân thành biển cả. Chữ 𠄎 (HUM) trong biển thành chày Ngũ Trí, chữ 𠄎 (AH) trên cái chày thành Yết Ma, chữ 𠄎 (HRÌH) trên Yết Ma thành hoa sen tám cánh có 2 vị Long Vương của nhóm Nan Đà phò hai bên trái phải hoa sen

Tiếp **Đại Hải Ấn Chân Ngôn** (như Quĩ)

Tiếp **Kim Cương Thủ** cầm hoa (Nội Phộc Ngũ Cổ)

Tiếp Đại Chân Ngôn Vương (dùng Yết Ma Ấn)

Tiếp Bát Diệp Liên Hoa Ấn (Ngay bên trên trong Ngũ Luân Khế)

Tiếp Sư Tử Tòa Ấn (Khẩu truyền: **Quy mệnh, A giả la vi lệ**)

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ACALA VĪRE

Tiếp trên đài hoa sen có chữ 𑖀:(AH) biến thành cung điện rộng lớn đầy đủ thêm bậc do bảy báu tạo thành. Như Quý quán đầy đủ)

Tiếp Hư Không Tạng Chân Ngôn

Tiếp Đại Luân Đàn Ấn (Tiểu Kim Cương Luân Ấn vậy)

Tiếp bày mọi hình sắc với **Giới Đạo Ấn** . Ngoại Phộc , 5 chủng tử trang phục v.v... 𑖀 (RA) 𑖂 (LAM) 𑖃 (KA) 𑖄 (MA) 𑖅 (HA) như thứ tự mang màu trắng,màu đỏ, màu vàng, màu xanh, màu đen biểu thị cho **Tín, Tiến, Niệm, Định, Tuệ** Sau đó tụng **chủng tử** của 5 màu, chuyển hồi Ấn 5 Độ (thành 5 màu từ bên trong lộ ra bên ngoài như thứ tự)

Tiếp tụng **Năng mặc tam mãn đa một đà nam_ Hồng 𑖆** [NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HŪM] Lại chuyển một lần (thành **Kim Cương Xử Giới Đạo**)

Tiếp trụ **Định Ấn** quán chủng tử của các Tôn bên trong **Trung Thai** ấy, mỗi mỗi an bày rõ ràng. Trước hết tướng **Viên Quang Đại Sư Tử Tòa** với tám cánh , trên tòa có vành trắng trong sạch toả sáng khắp ,trong đó đặt chữ 𑖀:(AH) chuyển thành **Đại Nhật Mâu Ni** thanh tịnh lia các dơ , hình sắc màu nhiệm vượt hơn ba cõi v.v...

Dùng **Bát Diệp Mạn Đồ La** với quyển thuộc tự vây quanh. Tám cánh sen trong vành trắng có chữ 𑖀(A) 𑖁(À) 𑖂(AM) 𑖃:(AH) biến thành 4 vị Phật **Bảo Tràng, Khai Phu Hoa Vương, A Di Đà, Cổ Âm** . Bốn góc trong vành trắng thanh tịnh có chữ **Am, A, Một, Du** [𑖄(AM) 𑖀(A) 𑖅(BU) 𑖆(BO)] biến thành 4 vị Bồ Tát **Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Di Lặc** với hình sắc trang nghiêm, diện mạo, Thủ Ấn, tiêu xí v.v.. đều như Nghi Quý , mỗi mỗi chủng tử, mỗi mỗi Tôn với màu sắc , mỗi mỗi hình tướng , mỗi mỗi Tam Muội Gia đều quán như Pháp đưng để thiếu sót

Nếu chẳng thể quán nổi thì quán chữ 𑖀:(AH) ở **Trung Đài** thành hào quang phóng tỏa ánh màu vàng chiếu khắp ba Trùng Viện. **A Tự Môn** biến thành chủng tử của các Tôn, biến thành các sắc tướng. Như vậy quán xong

Giới này còn Viện thứ mười ba

Vành trắng trong sạch toả sáng khắp giúp chu chính thọ thân tương ứng. Dùng **Bát Diệp Mạn Đồ La** với quyển thuộc vây quanh Giúp cho minh chính được **Trung Đài Tạng** vậy

Tiếp **Biển Tri Ấn** ở phương Đông gọi là Hội thứ hai

Quán Tự Tại ở phương Bắc chính là Hội thứ ba

Phương Nam để **Kim Cương Thủ** ấy là Hội thứ tư

Y theo phương Niết Lợi Đề (phương Tây Nam) có **Bất Động Như Lai Sứ**, Phương Phong (phương Tây Bắc) có **Thắng Tam Thế** chính là Hội thứ Năm

Bốn **Đại Hộ** ở bốn phương sẽ là Hội thứ sáu

Cửa đầu **Thích Ca Văn** chính là Hội thứ bảy

Thứ ba **Diệu Cát Tường** sẽ ứng với Hội thứ tám

Trừ Cái Chướng ở phương Nam tức là Hội thứ chín

Địa Tạng Tôn ở Thắng phương (phương Bắc) là Hội thứ mười

Hư Không Tạng ở Long Phương (phương Tây) là Hội thứ mười một

Tô Tất Địa Quyển Thuộc là Hội thứ mười hai

Hộ Thế Uy Đức Thiên gọi là Hội thứ mười ba

Thứ tự sẽ phân bày (Trung Sơ)

Tiếp Bảo Quan nâng Thủ Ấn (Ngoại Ngũ đặt trên đỉnh đầu, vầng trán, tụng **Quy mệnh 5 chủng A**)

Tiếp **Giáp Trụ Ấn** phân từ vầng trán, mỗi lớp 3 Quy Mệnh

Tụng 28 chữ của nhóm **Ca** (𑖀 _KÀ) từ từ nhiều quanh hướng theo Ngọc Chẩm, cổ họng, trái tim, lỗ rốn....

Như thứ tự quán 𑖀 (KÀ) 𑖁 (KAM) 𑖂 (KAḤ) [**Ac Sát La** trong 84 chữ của nhóm ấy đều dùng Ấn bên trên]

Tiếp 36 chữ của nhóm **Y** [𑖃 (Y)]. Dùng Ấn trước nhiều quanh rốn

Tiếp **Phổ Thông Ấn** để ngang trái tim tụng **Phương Tiện Nhị Luân** là 2 chủng luân 𑖂 (KAḤ) 𑖃 (KĀM) gia lỗ mũi đều có 34 chữ làm Thân Quang (hào quang của Thân)

Tiếp **Liên Hoa Bộ Đẳng Luân** như **Phật Bộ Luân**

Phàm 3 lớp Mạn Đồ La trụ ở ngay trên thân v.v...

Tiếp **Bố Tụ** (an bày chữ) **Định Ấn** bày 32 chữ (riêng biệt)

Tiếp **Phổ Ấn** để ngang trái tim tụng 4 loại Chân Ngôn của **Bồ Đề Tâm Tam Muội, Bồ Đề Hạnh Phát Tuệ, Thành Bồ Đề Bồ Khuyết, Tịch Tĩnh Niết Bàn** ..v.v...

Tiếp trụ **Định Ấn** quán Nội Tâm Mạn Đồ La (tại Bản Ký)

Tiếp **Đại Chân Ngôn Vương Pháp Giới Bình Đẳng Quán** phối trí với 12 chữ, lại đồng với 12 Nhân Duyên

Tiếp Bí Mật Bát Ấn

Tiếp Mãn Túc Trí Trí Ấn

Tiếp **Vô Sở Bất Chí** (truyền miệng)

Tiếp **Bách Quang Biến Chiếu** (trụ **Định Ấn**, an bày chữ như văn. **Phổ Ấn** v.v...)

Tiếp **Nhất Thiết Phật Tâm** (dùng Kim Cương Chưởng Ấn)

Tiếp **Ưu Lô Tần Loa Ca Diệp, Già Gia Ca Diệp** (dùng Phạm Khiếp Ấn, Thanh Văn Chân Ngôn)

Tiếp Hư Không Nhãn Minh Phi

Tiếp **Thất Câu Chi Phật Mẫu** [Ấn ấy là: Định Tuệ (2 tay) cài chéo các ngón bên trong, dựng đứng 2 Hỏa (2 ngón giữa) hợp đầu ngón, Phong (ngón trỏ) dính bên cạnh lóng trên của Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) đều dính bên cạnh Phong (ngón trỏ)]. Chân Ngôn là

Năng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đất phộc nam_ Đát nễ dã tha: án, tả lệ, tô lệ, chuẩn chi, sa-phộc hạ

NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHISATVĀNĀM _TADYATHĀ: OM CALE CULE CUṂDHE SVĀHĀ

Tiếp **Đại Dũng Mãnh Bồ Tát** (dùng Phổ Thông Ấn) . Chân Ngôn là

Năng mạc tam mãn đa một đà nam. A lợi gia ma hạ vĩ la, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM ĀRYA MAHĀVĪRA SVĀHĀ

Tiếp Đại Lạc Kim Cương Tát Đỏa (dùng Phổ Thông Ấn). Chân Ngôn là
Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Phộc nhật la ngu gia, tam ma gia, tát đát

noan

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ VAJRA GŪHYA SAMAYA STVAM

Tiếp Nhất Thiết Chư Bồ Tát (Phổ Thông Ấn)

Tiếp Quán Tự Tại Bồ Tát

Tiếp Đa La Bồ Tát Ấn

Tiếp Tỳ Câu Chi Ấn

Tiếp Đại Thế Chí

Tiếp Gia Du Đà La Ấn

Tiếp Bạch Xử Tôn Ấn

Tiếp Mã Đầu Ấn

Tiếp Chư Bồ Tát Sở Thuyết Ấn (Phổ Thông Ấn. Chân Ngôn ở bên dưới)

Tiếp Địa Tạng Bồ Tát

Tiếp Chư Phụng Giáo Giả (Phổ Thông Ấn)

Tiếp Kim Cương Thủ Ấn

Tiếp Mang Mãng Kê

Tiếp Kim Cương Châm

Tiếp Kim Cương Thương Yết La Ấn

Tiếp Phần Nộ Nguyệt Yểm Tôn

Tiếp Chư Kim Cương (Trì Địa Ấn)

Tiếp Kim Cương Quyền

Tiếp Nhất Thiết Trì Kim Cương

Tiếp Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát

Tiếp Bất Động Minh Vương

Tiếp Thắng Tam Thế Ấn (Nội Ngũ Cổ)

Tiếp Hàng Tam Thế Ấn (Chân Ngôn như thường)

Tiếp Đại Uy Đức Minh Vương Ấn (Căn Bản Ấn như thường)

Tiếp bốn Đại Hộ (ngay bên dưới)

Tiếp cửa đầu Thích Ca Văn Ấn

Tiếp Năng Tịch Mẫu Ấn

Tiếp Hào Tướng Ấn

Tiếp Nhất Thiết Phật Đỉnh (Như Quỹ)

Tiếp Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (như Quỹ)

Tiếp Thắng Phật Đỉnh

Tiếp Tối Thắng Phật Đỉnh Ấn

Tiếp Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn

Tiếp Xả Trừ Phật Đỉnh Ấn

Tiếp Quảng Sinh Phật Đỉnh Ấn

Tiếp Phát Sinh Phật Đỉnh Ấn

Tiếp Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh Ấn

Tiếp **Thanh Văn Chúng** (Phạm Khiếp Ấn)
Tiếp **Duyên Giác Chúng**
Tiếp **Vô Năng Thắng Ấn**
Tiếp **Phi Ấn**
Tiếp **Văn Thù Ấn** (như Quĩ)
Tiếp **Quang Võng Bồ Tát**
Tiếp **Vô Cấu Quang Ấn**
Tiếp **Kế Thiết Nễ**
Tiếp **Ô Ba Kế Thiết Nễ**
Tiếp **Địa Tuệ Bồ Tát**
Tiếp **Chất Đất La Đồng Tử**
Tiếp **Triệu Thịnh Đồng Tử**
Tiếp **năm Phụng Giáo** (Đều có tên là **Bất Tư Nghị Đồng Tử**)
Tiếp phương Nam **Trừ Cái Chướng Ấn** (như Quĩ)
Tiếp **Trừ Nghi Quái Ấn**
Tiếp **Thí Vô Úy Bồ Tát**
Tiếp **Trừ Ác Thú**
Tiếp **Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát**
Tiếp **Đại Từ Sinh Bồ Tát**
Tiếp **Bi Thí Nhuận**
Tiếp **trừ Nhiệt Não Bồ Tát**
Tiếp **Bất Tư Nghị Tuệ**
Tiếp **Thắng Phương** (phương Bắc) **Địa Tạng Tôn**
Tiếp **Bảo Xứ Bồ Tát**
Tiếp **Bảo Chướng Bồ Tát**
Tiếp **Trì Địa Bồ Tát**
Tiếp **Bảo Ấn Thủ Bồ Tát**
Tiếp **Kiên Cố Ý Bồ Tát**
Tiếp **Long Phương** (phương Tây) **Hư Không Tạng**
Tiếp bên trái **Hư Không Tạng** là **Đàn Ba La Mật Bồ Tát**
Tiếp **Giới Ba La Mật**
Tiếp **Nhẫn Ba La Mật**
Tiếp **Tinh Tiến Ba La Mật**
Tiếp **Thiền Ba La Mật**
Tiếp bên phải **Hư Không Tạng** là **Bát Nhã Ba La Mật**
Tiếp **Phương Tiện Ba La Mật**
Tiếp **Nguyện Ba La Mật**
Tiếp **Lực Ba La Mật**
Tiếp **Trí Ba La Mật**
Tiếp **Hư Không Vô Cấu**
Tiếp **Hư Không Tuệ**

Tiếp Liên Hoa Ấn Bồ Tát

Tiếp Thanh Tịnh Tuệ

Tiếp Hành Tuệ

Tiếp An Trụ Tuệ

Tiếp Xuất Hiện Trí (Diệu Thành Tự Bồ Tát vậy)

Tiếp Cháp Liên Hoa Xử (Nội Ngũ, Bát Không Khố Bồ Tát vậy)

Quy mệnh phộc nhật la, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ VAJRA SVĀHĀ

Tiếp Tự Tại Thiên Ấn

Tiếp Phổ Hoa Thiên Ấn

Tiếp Quang Man Thiên

Tiếp Mãn Ý Thiên

Tiếp Biến Âm Thiên

Tiếp Y Xá Na Thiên

Tiếp Chư Bộ Đa

Tiếp phương Đông Đế Thích

Tiếp Trì Quốc Thiên Ấn

Tiếp Nhật Thiên

Tiếp Ma Lợi Chi Thiên

Tiếp Xã Gia Tỳ Xã Gia (Nhật Thiên Tử Hậu) Chân Ngôn là

Quy mệnh ma ha nga đà bà đa, sa phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ MAHĀ GAṆAPATAYE SVĀHĀ

Tiếp Cửu Cháp

Tiếp Phạm Thiên

Tiếp Minh Phi Ấn

Tiếp Càn Thát Bà Ấn

Tiếp Chư A Tu La

Tiếp Ma Hầu La Già

Tiếp Chư Khẩn Na La

Tiếp Hỏa Thiên

Tiếp Hậu

Tiếp Phộc Tư Tiên

Tiếp A Diệt Lý Tiên

Tiếp Kiều Đáp Ma Tiên

Tiếp Nghiệt Lật Già Tiên

Tiếp phương Nam Tăng Trưởng Thiên Vương

Tiếp Diêm Ma Vương Đàn Noa Ấn

Tiếp Tử Vương

Tiếp Diêm Ma Thát Mẫu Ấn

Tiếp Âm Dạ

Tiếp Diệm Ma Hậu

Tiếp Phụng Giáo Phán Quan

Tiếp Noa Cát Ni

Tiếp Ca Lô La Vương

Tiếp phương Tây Nam **ĐỂ LÝ ĐỂ VƯƠNG**

Tiếp La Sát Tư

Tiếp **Tướng Huynh** [Phổ Ấn Quy mệnh ca la ca nhĩ sa phộc hạ (NAMAHI SAMANTA BUDDHÀNÀM_KRA KARE SVÀHÀ)]

Tiếp La Sát Chúng

Tiếp phương Tây Tỳ Lưu Bác Xá Thiên Vương

Tiếp Thủy Thiên

Tiếp Nan Đà Bạt Nan Đà

Tiếp Chư Long

Tiếp Địa Thần

Tiếp Diệu Âm Thiên

Tiếp Na La Diên

Tiếp Hậu

Tiếp Giá Văn Trà

Tiếp Nguyệt Thiên

Tiếp 28 Tú

Tiếp Ma Hê Thủ La Thiên

Tiếp Ô Ma Phi

Tiếp phương Phộc Dữu (Phương Tây Bắc) **Phong Thiên**

Tiếp phương Bắc Tỳ Sa Môn Thiên

Tiếp Chư Dược Xoa

Tiếp Chư Dược Xoa Nữ

Tiếp Chư Tỳ Xá Già

Tiếp Chư Tỳ Xá Chi

Tiếp Chư Nhân

Tiếp Thỉnh Chư Thiên

Tiếp Phổ Thế Minh Phi

Tiếp cửa cửa hai Thủ Hộ **Bất Khả Việt Thủ Hộ**

Tiếp Tương Hưởng Thủ Hộ

Tiếp Tĩnh Trị

Tiếp **Bất Động Kiểm ấn** (Tịch Trừ Kết Giới , ấn 5 chỗ trên thân)

Tiếp Câu, Sách, Tỏa Linh

Tiếp đứng thẳng **Ca Lô La Diệm** (Quy mệnh Hỏa Luân Ấn)

Tiếp lại **Kiểm Ấn** trừ khiển Tồng Ma kết Thập Phương Hộ Thân (Thánh Bất Động Ấn Minh vậy)

Tiếp **Nhập Phật Tam Muội Gia**

Tiếp **Hư Không Vãng**

Tiếp **Hỏa Viện**

Tiếp lắc chuông. Tay phải cầm cái chày để ở eo lưng. Tay trái cầm cái chuông để ở eo lưng (chẳng được phát ra tiếng) từ từ lắc chuông ở giữa eo, từ bên ngoài hướng về cái miệng để tự khoa

Tiếp rút ném chùy 3 lần để Tịch Trừ Kết Giới, ấn vào 5 nơi, sau đó an trên trái tim

Tiếp nâng cái chuông lên ngang vai, bên cạnh lỗ tai lắc 5 lần. Tiếp ở trước ngực, trên trán đều lắc 2 lần. Tiếp dùng chày ấn 5 nơi trên thân, sau đó để lại chỗ cũ (bản sở)

Tiếp Tứ Trí Tán

Tiếp At Già (Thương Khư Ấn)

Tiếp Hoa Tò

Tiếp Bất Động Thị Tò

Tiếp Định Ấn

Tiếp Hoàn Giáp

Tiếp Bố Ma

Tiếp Đại Giới

Tiếp 4 phương 4 **Đại Hộ** (Đông, Bắc, Tây, Nam như Quỹ)

Tiếp Môn Môn Nhị Thủ Hộ Ấn

Tiếp Bất Động Kiếm Ấn

Tiếp Đồ Hương

Tiếp Hoa Man Ấn

Tiếp Thiêu Hương

Tiếp Âm Thực

Tiếp Đăng Minh

Tiếp Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi

Tiếp Gia Cú _ Dùng sức Công Đức Ta.. v.v..

Tiếp Tán (Tâm lược)

Tiếp Lễ Phật

Tiếp Kính Tạ Ngôn (mọi loại hương hoa v.v...)

Tiếp Tam Muội Gia, Pháp Giới Sinh, Tát Đỏa

Tiếp Đại Tuệ Dao

Tiếp Pháp Loa

Tiếp Kim Cương Tò

Tiếp Kim Cương Đại Tuệ Ấn

Tiếp Ma Ha Như Lai Đỉnh

Tiếp như Lai Tượng

Tiếp Hào Tượng

Tiếp Như Lai Tỳ (Nội Phộc, mở lòng bàn tay Cạnh Phong (ngón trỏ) dính nhau, Không (ngón cái) vịn lóng dưới của Phong (ngón trỏ)

Tỳ Chân Ngôn: “Quy mệnh, án lý nễ, hồng, phát tra, sa phộc hạ ”

Tiếp Đại Bát Ấn

Tiếp Thí Vô Úy

Tiếp Dữ Nguyện

Tiếp Như Lai Sách

Tiếp Như Lai Tâm
Tiếp Như Lai Tê
Tiếp Như Lai Yêu
Tiếp Như Lai Tạng
Tiếp Phổ Quang
Tiếp Như Lai Giáp
Tiếp Như Lai Thiệt
Tiếp Như Lai Ngũ
Tiếp Như Lai Nha
Tiếp Như Lai Biện Thuyết
Tiếp Như Lai Thập Lực
Tiếp Như Lai Niệm Xứ
Tiếp Bình Đẳng Khai Ngữ (?Ngộ)
Tiếp Phổ Hiền Như Ý Châu
Tiếp Từ Thị
Tiếp Vô Ngại Lực Minh Phi
Tiếp Vô Năng Hại Lực Minh Phi
Tiếp Gia Trì Niệm Châu (tràng hạt)

Tiếp **Căn Bản Ấn** (Nội Ngữ v.v...) ngang trái tim quán thân của mình đồng với Bản Tôn. Đỉnh đầu 𑖀 (AM), Ngực 𑖂 (SA), hai mắt 𑖃 (RAM), trái tim 𑖄 (A). Tụng **Căn Bản Minh** gia trì 4 chỗ

Tiếp Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) cầm tràng hạt cách nhau khoảng hai thốn, ngang vầng trán phát nguyện như Pháp tụng. Niệm tụng xong thì đặt tràng hạt về chỗ cũ

Tiếp Định Ấn quán 5 chữ (ngịch, thuận) Sở thỉnh nhóm 𑖄 (A) 𑖅 (VA) 𑖆 (RA) 𑖇 (HA) 𑖈 (KHA)

Tiếp ra khỏi Định, kết **Căn Bản Ấn**, tụng **Bản Minh** 7 biến gia trì 4 chỗ

Tiếp Hư Không Nhãn Ấn

Tiếp **Phổ Ấn** an ở trái tim, nói là:

Dùng công đã trì này

Phó chúc nơi Bộ Mẫu

Cho đến khi thành Phật

Hộ niệm chẳng tan mất

Tiếp 5 Cúng Dường Ấn

Tiếp Duyệt Ý Già Đà (Tâm lược tán)

Tiếp Hư Không Tạng Minh Phi

Tiếp lặc chuông

Tiếp At Già, Phát Nguyện

Tiếp **Gia Trì Cú** (Phổ Ấn ấn 5 chỗ)

Tiếp **Nan Kham Nhẫn** (chuyển theo bên trái Giải Giới, Chân Ngôn thứ hai)

Tiếp **Bất Động, Nhập Phật Tam Muội Gia, Tường Giới, Không Vỡ, Hỏa Diệm Địa** kết.v....(Đều chuyển theo bên trái Giải Giới, nhưng **Địa Kết** thì nhỏ bỏ)

Tiếp **Kim Cương Chưởng** để ngang trái tim, khai bạch (Các Như Lai hiện tiền.v.v...)

Tiếp **Phụng Tống Bạc Già Phạm** (Ngoại Phộc, ngọn Hỏa Luân (đầu ngón giữa) bung hoa trên đỉnh đầu, nên hòa âm rồi ném hoa trên Đàn)

Tiếp **3 Mật Hộ** (Như trước)

Tiếp **Kim Cương Chưởng** để trên đỉnh đầu, tụng : **Quy mệnh 𑖀**(AM)

Tiếp **Hỏa Luân Ấn** an trên trái tim, tụng: **Quy mệnh 𑖑** (RAM)

Tiếp Phật Đỉnh Ấn ở trên trái tim , tụng **Quy mệnh 𑖒** (A)

Tiếp **Kim Cương Chưởng** để ngang trái tim , nói là:

Chư Hữu nghe tiếng Ta

Hoặc thấy hoặc tiếp xúc

Tâm định A la hạ (Arhate:A La Hán)

Tam miệu tam phật đà (samyaksambuddha: Chính Đẳng Chính Giác)

Tất cả các Công Đức

Với Đại Nhật Thế Tôn

Ngang bằng không sai khác

Tiếp trong Tim quán chữ 𑖓 (HUM)

Chữ 𑖓 (MA) điểm Đại Không , là **Không Giải Thoát Môn**

Chữ 𑖔 (HA) xa lìa nơi Nhân Duyên, là **Vô Tướng Giải Thoát Môn**

𑖕 (U) **Ô Tự Tam Muội** , vẽ (? Hoạch:gặt hái được) là **Vô Nguyên Giải Thoát Môn**

Y theo **Giải Thoát Quán** này hay trừ chướng khi tu hành, sau đó ra khỏi Đạo Trường, tùy thuận ở chỗ học

Khánh An , năm đầu dùng Bát Phan Cổ Bản ghi chép xong_ Sa Môn **Huệ Phạm**

Một lần đối chiếu so sánh xong_ **Tịnh Nghiệp** 39 tuổi

Thiên Minh Nguyên, năm sửu , nhuận tháng năm , ghi chép Tạng Bản của Vũ Trì Huệ Tâm Viện_ **Từ Nhẫn**

Hưởng Hòa cải nguyên, mùa thu tháng tám, được bản đá khiến sao chép. Nhóm **Truyền Đăng** của viện Từ Tâm đối chiếu so sánh kiểm điểm chữ quốc ngữ. Ngoài ra lại kiểm tra hiệu chính rồi chạm khắc bản khiến cho Pháp truyền

Phong Sơn Trường Cốc Diệu Âm, cư trú tại viện Tổng Trì_ Sa Môn **Khoái Đạo** ghi

22/06/2007